

Số: 199 /BC-UBND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2020

Phần I

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM

Năm 2020 là năm có nhiều sự kiện trọng đại, năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020 và quy hoạch 10 năm; đồng thời cũng là năm Tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là “*khó khăn kép*” vừa bị hạn hán gay gắt, vừa bị tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện đến đời sống kinh tế - xã hội của Tỉnh. Trước tình hình đó, quán triệt phương châm hành động “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả*”, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã bám sát Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh kịp thời tổ chức hội nghị quán triệt và ban hành Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2020, gồm 10 nhóm giải pháp chủ yếu với 206 nhiệm vụ cụ thể, chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 và Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ về cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018-2023; Đồng thời chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, quyết liệt, kịp thời thực hiện “*nhiệm vụ kép*” vừa tích cực phòng chống đại dịch Covid-19 và ứng phó hiệu quả hạn hán, vừa bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện các biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm đạt được như sau:

A. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) ước đạt 8.967 tỷ đồng, tăng 8,46% cùng kỳ, trong đó ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,97%, công nghiệp - xây dựng tăng 42,49%, dịch vụ giảm 0,63% và thuế sản phẩm giảm 7,85%¹; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 1.770 tỷ đồng, đạt 50,6% KH năm, giảm 29,5% cùng kỳ; tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 18.450 tỷ đồng, tăng 11,9% cùng kỳ; giải quyết việc làm mới cho 6.638 lao động, bằng 40,2% KH năm và giảm 34,3%; Đào tạo nghề cho 3.604 người, bằng 40% KH năm và giảm 21,4% cùng kỳ.

¹ GTGT ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản 2.633 tỷ đồng, giảm 1,97%, Công nghiệp - xây dựng 2.749 tỷ đồng, tăng 42,49% (trong đó công nghiệp tăng 82,38%, xây dựng tăng 7,24%); dịch vụ 3.025 tỷ đồng, giảm 0,63% và thuế sản phẩm 560 tỷ đồng, giảm 7,85%.

Kế hoạch cả năm 2020: GRDP tăng 11-12%; GTGT các ngành: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4-5%; Công nghiệp - xây dựng tăng 24-25%; dịch vụ tăng 9-10%;

B. Tình hình thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực :

I. Về kinh tế:

1. Nông lâm, ngư nghiệp:

- Nông nghiệp: Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp ứng phó hiệu quả hạn hán, với mục tiêu: “*Không để người dân thiếu nước sinh hoạt, thiếu đói, phát sinh dịch bệnh; quản lý, sử dụng nước tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả; chăm sóc, bảo vệ và hạn chế thấp nhất thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi*”; đồng thời đã công bố tình trạng thiên tai hạn hán trên địa bàn tỉnh (cấp độ 3), thường xuyên tổ chức các Đoàn kiểm tra thực tế các vùng bị hạn hán²; điều chỉnh giảm diện tích đất canh tác, xây dựng kế hoạch điều tiết nước hợp lý, chuyển đổi cơ cấu cây trồng³, hoàn thành đưa vào hoạt động tuyến ống kênh chính Hồ chứa nước Tân Mỹ và các kênh nhánh phục vụ kịp thời công tác chống hạn, bảo đảm gieo trồng vụ Đông-Xuân đạt 25.289 ha, vượt 2,1% KH và bằng 86,4% cùng kỳ; năng suất một số cây trồng tăng⁴; quy mô đàn gia súc được duy trì⁵; phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi được kiểm soát.

Tuy nhiên, do tình hình hạn hán phải tạm dừng hơn 23.233 ha gieo trồng⁶ và gây thiệt hại hoa màu⁷; sản lượng các loại cây trồng giảm⁸; giá trị gia tăng ngành nông nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,97 % so cùng kỳ.

- Lâm nghiệp: Tập trung rà soát, chuyển đổi đất rừng; các biện pháp bảo vệ và phòng chống cháy rừng được tập trung triển khai, số vụ vi phạm lâm luật giảm⁹.

- Thủy sản: Tình hình thời tiết, ngư trường tương đối thuận lợi, trong quý II xuất hiện nhiều đàn cá nổi, với mật độ dày, nên sản lượng khai thác tăng¹⁰; sản xuất tôm giống duy trì đà tăng trưởng¹¹; các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định của Chính phủ tiếp tục triển khai đạt kết quả tích cực¹².

- Chương trình xây dựng nông thôn mới: Ban hành kịp thời kế hoạch thực hiện năm 2020, đã tổ chức tổng kết 5 năm 2016-2020 thực hiện Chương trình, quyết định công nhận 5 xã, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới vượt mục tiêu kế hoạch 5 năm và về đích trước một năm¹³ và hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Thủ tướng chính phủ công nhận huyện Ninh Phước đạt chuẩn nông thôn mới.

² Hỗ trợ nước sinh hoạt cho 251 hộ/959 khẩu, trong đó thôn Bình Tiên, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc: 71 hộ/256 khẩu; Thôn Tà Núi, xã Ma Nối, huyện Ninh Sơn: 180 hộ/703 khẩu.

³ Đã chuyển đổi được 1.138,3/911,2 ha, vượt 24,9% KH, trong đó vụ Đông-Xuân 955,7/591,2 ha, vụ Hè-Thu 182,6/320 ha

⁴ Năng suất lúa 66,7 tạ/ha, tăng 2,2%, bắp 61,6 tạ/ha, tăng 3,9%; Nho 138 tạ/ha, tăng 1,4%; táo 192,5 tạ/ha, tăng 6,7% so cùng kỳ.

⁵ Tổng đàn gia súc 507.305 con, vượt 6,1% KH năm, giảm 5,3% cùng kỳ, trỏ: Trâu bò 124.729 con, vượt 19,9% KH năm, tăng 0,3% cùng kỳ; dê, cừu 279.416 con, giảm 6,1%; lợn 103.160 con, vượt 14,6% KH năm, giảm 9,3% cùng kỳ.

⁶ Tổng diện tích tạm dừng 23.233,8 ha, trong đó vụ Đ.Xuân dừng 7.873,8 ha (lúa 4.556,5 ha, cây màu: 3.317,3 ha); vụ Hè Thu dừng 15.360 ha (lúa 10.837 ha; màu 4.523 ha).

⁷ Thiệt hại 198,2 ha cây trồng các loại (cây lúa: 89,5 ha; cây màu: 43,65 ha; cây ăn quả: 60,58ha, cây lâm nghiệp: 4,5 ha), trong đó: diện tích bị thiệt hại trên 70% là 131,32 ha, diện tích bị thiệt hại từ 30% - 70% là 67ha

⁸ Sản lượng lúa đạt 79.828 tấn, giảm 28,2%, bắp đạt 14.600 tấn, giảm 8,2%, nho đạt 16.019 tấn, giảm 0,6%, mía đạt 119,5 ngàn tấn, giảm 36% cùng kỳ.

⁹ Trong 6 tháng đã xảy ra 88 điểm cháy, chỉ cháy cỏ khô, lá khô dưới tán rừng nên không gây thiệt hại đến cây rừng; phát hiện, ngăn chặn 116 vụ vi phạm, giảm 65 vụ, xử lý 59 vụ, nộp ngân sách 571,28 triệu đồng và tịch thu nhiều tang vật khác và nộp ngân.

¹⁰ Sản lượng khai thác ước đạt 54.627 tấn, tăng 2% cùng kỳ.

¹¹ SX tôm giống ước đạt 21,012 tỷ con, tăng 8,8% so cùng kỳ; Tôm thương phẩm ước đạt 2.250 tấn, giảm 2,2% cùng kỳ.

¹² Đã phê duyệt 65 tàu cá đủ điều kiện khai thác vùng biển xa; nâng tổng số 697 tàu; hỗ trợ 01 lần sau đầu tư đóng mới tàu cá 6,482 tỷ đồng/01 dự án; Từ đầu Chương trình đến nay có 47 hộ được phê duyệt đủ điều kiện vay vốn, đã hạ thủy 43 tàu, đã giải ngân 414,567 tỷ đồng, đạt 98,1% kế hoạch theo các Nghị định 67,89,17 của Chính phủ.

¹³ Các xã Phước Hải, An Hải, Phước Hải huyện Ninh Phước; xã Phước Ninh huyện Thuận Nam; xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn; nâng tổng số 25 xã.

2. Công nghiệp - Xây dựng:

- Về công nghiệp: Tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao; khâu đột phá về năng lượng được tập trung chỉ đạo và có chuyển biến mạnh mẽ, nhiều dự án điện gió, điện mặt trời và đường hầm dự án thủy điện tích năng Bác Ái được đẩy nhanh tiến độ¹⁴; dự án điện khí LNG Cà Ná được bổ sung vào quy hoạch điện VII¹⁵; dự án điện mặt trời 450 MW kết hợp đầu tư hạ tầng truyền tải 500 kV và các dự án hạ tầng truyền tải khác¹⁶ được tập trung đầu tư bức phá, giảm đáng kể tỷ lệ giảm phát từ 60% xuống còn 30%, ngày 29/6/2020 trạm biến áp Ninh Phước đã đóng điện đưa vào vận hành cơ bản giải quyết tình trạng giảm phát các dự án năng lượng tái tạo. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 các nhóm ngành công nghiệp chế tạo, chế biến giảm mạnh¹⁷, giá trị sản xuất ngành công nghiệp ước đạt 4.381 tỷ đồng, tăng 26,1% cùng kỳ.

- Về xây dựng: Các đồ án quy hoạch lớn, quan trọng được tập trung chỉ đạo hoàn thành trình phê duyệt¹⁸, hoàn thiện thủ tục đấu thầu một số dự án khu dân cư và khu đô thị mới; công tác quản lý trật tự xây dựng và quản lý hạ tầng kỹ thuật được tăng cường¹⁹; giá trị sản xuất ngành xây dựng ước đạt 3.528 tỷ đồng, tăng 7,5% so cùng kỳ.

3. Các ngành dịch vụ:

- Trong 6 tháng đầu năm chịu ảnh hưởng của hạn hán và nhất là đại dịch Covid-19 các hoạt động thương mại, dịch vụ du lịch, vận tải đều giảm sâu so cùng kỳ²⁰; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 1,4% là mức tăng thấp nhất từ trước đến nay.

- Hoạt động công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành đạt kết quả tích cực; công tác bảo mật, an toàn thông tin được chú trọng; quản

¹⁴ Trong 6 tháng đã hoàn thành 7 dự án ĐMT/394 MW (ĐMT Thiên Tân 40 MW, ĐMT Xuân Thiện 1 là 125 MW, ĐMT Xuân Thiện 2: 75 MW; ĐMT Mỹ Sơn 1: 50 MW; ĐMT Mỹ Sơn 2: 40MW; ĐMT Phước Ninh 36MW, ĐMT Solar farm Nhơn Hải) và hoàn thành 16 trụ điện gió/64 MW (Trung Nam – gd2). Nâng tổng số đến nay lên 29 dự án/1.758,55 MW (25 dự án mặt trời/1.577 MW và 4 dự án điện gió 181,55 MW), đã hòa lưới điện quốc gia 29 dự án/1.674MW (25 dự án điện mặt trời/1.493 MW; 4 dự án điện gió/181 MW).

¹⁵ Trong đó giai đoạn đến 2025 là 1.500 MW.

¹⁶ (1) Trạm biến áp 220kV Ninh Phước và đường dây đấu nối (2x250MVA; đường dây 4 mạch, dài 4,5km), tăng khả năng giải tỏa công suất khoảng 500MW;(2) Thay dây dẫn đường dây 110 kV 174 Tháp Chàm – Ninh Phước (tiết diện AC 185/29 lên ACSR 300/39, dài 15,858km), tăng khả năng giải tỏa công suất khoảng 50MW;(3) Phân pha dây dẫn 110 kV 174 Tháp Chàm 2–171 Tháp Chàm (đoạn 1 mạch tiết diện ACSR336,4MCM lên ACSR 300/39, dài 5,213km; đoạn 2 mạch tiết diện ACSR336,4MCM lên ACSR 300/39, dài 5,3km), tăng khả năng giải tỏa công suất khoảng 50MW;(4) Đường dây 110kV Trạm 220kV Tháp Chàm 2 – Ninh Phước (xây dựng mới 1 mạch dài 5,3km; kéo dây mạch 2 dài 25,544km trên đường dây 110kV Tháp Chàm –Ninh Phước hiện hữu), tăng khả năng giải tỏa công suất khoảng 140MW;(5) Đường dây 110kV mạch 2 Ninh Phước – Tuy Phong – Phan Rí, tỉnh Bình Thuận-Ninh Thuận (1 mạch, dài 30 km), tăng khả năng giải tỏa công suất khoảng 50MW.

¹⁷ Đá xây dựng giảm 27,9%, tinh bột sắn giảm 23,4%, muối chế biến giảm 22,9%, bia giảm 38,8%, nước yến giảm 43,1%, đá granite giảm 31%, nhân điều giảm 5,8%, thạch nha đam giảm 4,6%....

¹⁸ QH chung xây dựng khu du lịch ven biển phía Nam đến năm 2035; QH chi tiết các khu đô thị Đầm Nai, Cà Ná...; QH phát triển thành phố PT-TC thành phố thông minh; QH chung KDL Ninh Chữ; QH chi tiết 1/500 khu tổ hợp điện khí LNG; QH chi tiết khu Bãi Rạng Tây Giang, khu công viên 4,57 ha ...

¹⁹ Ban hành quy định về quản lý, phân cấp quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp dữ liệu về công trình ngầm đô thị; quy định thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố; phân cấp vùng cấp nước KCN Du Long, KDL Bình Tiên. Cấp giấy phép cho 442 công trình; Kiểm tra xây dựng 17 CT, trong đó có 2 công trình XD không phép, sai giấy phép; đồng thời đề nghị các huyện, TP xử lý 81 trường hợp vi phạm.

²⁰ Thu hút 735,9 ngàn lượt khách, giảm 58,3%, trong đó khách QTé 16 ngàn lượt, đạt 8% KH, giảm 74,1% cùng kỳ, khách trong nước 719,9 ngàn lượt, đạt 31,3% KH, giảm 57,7% cùng kỳ. DT ngành du lịch đạt 375 tỷ đồng, giảm 46,7% cùng kỳ; Khối lượng luân chuyển hành khách 135.773 nghìn người/Km, giảm 50,9%; luân chuyển hàng hóa 231.659 nghìn tấn/Km, giảm 16,4% so cùng kỳ.

lý về xuất bản báo chí tiếp tục được đẩy mạnh, thẩm định và cấp mới 24 giấy phép; bưu chính viễn thông được duy trì, đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt²¹.

4. Quản lý tài nguyên và môi trường: Công tác quản lý đất đai, khoáng sản được tập trung chỉ đạo triển khai; các nhiệm vụ trọng tâm, bứt phá được triển khai thực hiện kịp thời; quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) được rà soát điều chỉnh, phục vụ nhu cầu phát triển các dự án; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất rừng được tập trung chỉ đạo triển khai²²; trong 6 tháng đã tiến hành 05 cuộc thanh, kiểm tra về đất đai, môi trường, khoáng sản và đã kịp thời xử lý theo quy định.

5. Tài chính, ngân hàng:

- Tài chính: Công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước bảo đảm đúng quy định, chặt chẽ, tiết kiệm, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi về phòng, chống dịch Covid-19, ứng phó hạn hán và đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông; quản lý tài chính doanh nghiệp được tập trung chỉ đạo triển khai; tổng thu ngân sách trên địa bàn giảm²³, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tổng chi ngân sách ước đạt 2.687 tỷ đồng, bằng 41,4% dự toán năm.

- Hoạt động ngân hàng ổn định, an toàn, tình hình nợ xấu được kiểm soát²⁴; triển khai thực hiện kịp thời các giải pháp hỗ trợ về tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp bị thiệt hại bởi dịch Covid-19²⁵.

6. Kế hoạch và Đầu tư: Triển khai thực hiện kịp thời Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ; hoàn thành kịp thời báo cáo chuyên đề kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội tỉnh Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm vụ lập quy hoạch Tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đang tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Quy hoạch tỉnh; phân khai kịp thời các nguồn vốn đầu tư công; một số dự án trọng điểm đang được đẩy nhanh tiến độ; tiếp tục đổi mới thu hút đầu tư các thành phần kinh tế²⁶.

Về công tác đối ngoại: Hội nhập quốc tế tiếp tục có chuyển biến tích cực, thu hút được sự quan tâm hỗ trợ của các tổ chức quốc tế song phương và đa phương.

7. Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể:

- Hoạt động doanh nghiệp những tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, một số doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, kinh doanh, hoạt động cầm chừng hoặc tạm ngừng kinh doanh. Tỉnh đã kịp thời triển khai tháo gỡ và thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ tại Nghị quyết số 42/NQ-CP và Nghị định số 41/2020/NĐ-CP²⁷. Sau nới lỏng giãn cách xã hội, số

²¹ Trong 6 tháng phát triển mới 1.080 thuê bao ĐT, nâng tổng số 77.256 thuê bao, đạt 13 thuê bao/100 dân; phát triển mới 8.000 thuê bao internet, nâng tổng số lên 290.455 thuê bao, đạt 89,9 thuê bao/100 dân, vượt KH (89,7 thuê bao). Sản lượng bưu gửi qua dịch vụ bưu chính công ích 29.495 sản lượng, tăng 4% so cùng kỳ.

²² Đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; thủy điện tích năng Bắc Ái, hồ Sông Than, hồ Kiên Kiên, các dự án năng lượng tái tạo, du lịch...

²³ Tổng thu NS trên địa bàn ước đạt 1.770 tỷ đồng, bằng 50,6% KH năm, giảm 29,5 % so cùng kỳ, trong đó thu nội địa 1.270 tỷ đồng, giảm 16% cùng kỳ, bằng 47% KH năm; thu Hải quan 500 tỷ đồng, giảm 50% cùng kỳ, bằng 62,5% KH năm.

²⁴ Ước đến cuối tháng 6 nợ xấu chiếm 0,63%, giảm 0,03% so với cuối năm 2019.

²⁵ Tính đến 22/5/2020, các TCTD trên địa bàn đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tạm thời giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 với dư nợ 207 tỷ đồng, miễn giảm lãi vay khách hàng doanh nghiệp 0,292 tỷ đồng, thực hiện cho vay mới với doanh số cho vay mới khách hàng doanh nghiệp là 1.267 tỷ đồng.

²⁶ Đến ngày 10/6/2020 đã cấp 10 dự án/14.393 tỷ đồng, trong đó quyết định chủ trương đầu tư 07 dự án/13.869 tỷ đồng; chấp thuận chủ trương địa điểm 03 dự án/524 tỷ đồng.

²⁷ Đến ngày 31/5/2020 đã gia hạn thời gian nộp tiền thuế và tiền thuê đất trên 103 tỷ đồng.

doanh nghiệp thành lập mới tăng khá, đăng ký bổ sung vốn tăng cao²⁸; tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng vượt mục tiêu Chính phủ đề ra²⁹.

- Kinh tế tập thể được quan tâm chỉ đạo củng cố, hỗ trợ phát triển gắn với thực hiện các chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới³⁰.

II. Lĩnh vực Xã hội:

1. Giáo dục - Đào tạo và khoa học công nghệ:

- Giáo dục và Đào tạo: Tập trung chỉ đạo triển khai công tác đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông³¹ và biên soạn tài liệu giáo dục địa phương cấp Tiểu học theo Chương trình mới³²; tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học³³; tổ chức thành công các kỳ thi học sinh giỏi và cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh³⁴. Cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố hóa và đạt chuẩn quốc gia³⁵; tập trung chỉ đạo Đề án sáp nhập trường Cao đẳng sư phạm vào Phân hiệu Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh và Đề án hình thành trường Liên cấp THCS, THPT Trần Hưng Đạo.

- Khoa học công nghệ: Tập trung chỉ đạo nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ đổi mới các sản phẩm có lợi thế của tỉnh, ứng phó với hạn hán. Triển khai 25 đề tài, dự án³⁶; công tác hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ được quan tâm thực hiện³⁷; công tác quản lý đo lường đã kiểm tra 12 cơ sở sản xuất kinh doanh, tất cả đều đạt yêu cầu.

2. Y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân: Ban hành kịp thời, đồng bộ nhiều Kế hoạch, Chỉ thị tập trung chỉ đạo quyết liệt, chủ động, hiệu quả các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Đến nay đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh cơ bản được kiểm soát và ngăn chặn sự lây lan trong cộng đồng. Các bệnh mùa hè được kiểm soát, không để bùng phát thành dịch³⁸; vệ sinh an toàn thực phẩm được tập trung chỉ

²⁸ Tính đến ngày 15/6/2020, có 279 DN thành lập mới, tăng 16,7% so cùng kỳ; 62 DN đăng ký bổ sung vốn điều lệ, với số vốn tăng thêm 5.557 tỷ đồng, tăng 5,7 lần so cùng kỳ; 78 doanh nghiệp tạm ngừng, tăng 36,8% so cùng kỳ; 39 DN quay trở lại hoạt động, giảm 11,4% so cùng kỳ; 29 DN đã hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 35,6% so cùng kỳ. Nâng tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đến ngày 15/6/2020 là 3.352 DN/57.480 tỷ đồng, bình quân 17,1 tỷ đồng/DN. Số lao động đăng ký trong các DN thành lập mới 1.596 lao động, bằng 27% so cùng kỳ.

²⁹ Chính phủ quy định cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, lĩnh vực ĐKKD có 60/60 thủ tục, đạt 100%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký qua mạng đạt 54,7%.

³⁰ Đã ban hành KH số 375/KH-BCĐ ngày 15/02/2020 về nhiệm vụ công tác năm 2020; triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; đánh giá phân loại các loại hình HTX theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ KH&ĐT. tính đến ngày 10/6/2020 thành lập mới 03 HTX (HTX Vận tải Sao Đỏ Phan Rang; HTX Dvụ nông nghiệp Đồng Thuận và HTX Nông nghiệp công nghệ cao Nam Miền Trung tại huyện Bác Ái); nâng tổng số HTX lên 84 HTX.

³¹ Đã thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và rà soát nhu cầu cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác đổi mới (tại QĐ số 452/QĐ-UBND ngày 14/6/2019); Kế hoạch số 4497/KH-UBND ngày 30/10/2019 triển khai thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục PT trên địa bàn tỉnh và KH số 1901/KH-UBND ngày 28/5/2020 triển khai tập huấn bồi dưỡng giáo viên, CSVC, sách thiết bị dạy học phục vụ đổi mới chương trình, SGK GDPT tỉnh Ninh Thuận năm 2020.

³² Thành lập Ban Biên soạn tài liệu giáo dục địa phương cấp Tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới (tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 17/02/2020).

³³ Trong 6 tháng giảm 01 trường Tiểu học, nâng tổng số giảm 20 trường, trong đó: MN 8 trường, TH 10 trường, THCS 02 trường; toàn tỉnh hiện có 225 trường phổ thông, trong đó: TH 142 trường, THCS 62 trường và THPT 21 trường.

³⁴ Tổ chức kỳ thi học sinh giỏi cấp THCS, THPT cấp tỉnh có 717 hs tham dự thi, trong đó 15 em đạt giải nhất, 52 hs đạt giải nhì và 209 hs đạt giải ba; chọn tham dự học sinh giỏi THCS, THPT cấp quốc gia 54 hs, trong đó đạt 4 giải nhì, 6 giải ba và 7 giải k.khích; cuộc thi KHKT cho học sinh THPT cấp tỉnh có 44 học sinh/28 dự án, đề tài tham gia, trong đó có 02 dự án được chọn tham dự thi cấp quốc gia.

³⁵ Trong 6 tháng đầu năm có 7 trường phổ thông được công nhận mới đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số lên 112 trường, đạt 49,8%, trong đó: TH 74/142 trường, đạt 52,1%, THCS 31/62 trường, đạt 50%, THPT 7/21 trường, đạt 33,3%; riêng Mầm non 20/87 trường, đạt 23%, vượt mục tiêu NQ đến năm 2020.

³⁶ Có 6 đề tài, dự án cấp quốc gia, trong đó 01 đề tài mới; 19 đề tài, dự án cấp tỉnh, trong đó 02 đề tài, dự án mới.

³⁷ Hỗ trợ 12 lượt doanh nghiệp, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

³⁸ Bệnh sốt xuất huyết 143 ca, giảm 579 ca; tay chân miệng 27 ca, giảm 58 ca so cùng kỳ.

đạo, trong 6 tháng không xảy ra ngộ độc thực phẩm³⁹. Công tác phòng chống HIV/AIDS và dân số, kế hoạch hóa gia đình được chú trọng⁴⁰; công tác phối hợp triển khai Đề án Bệnh viện vệ tinh, Đề án 1816 được duy trì và đạt kết quả.

Chương trình bảo vệ và chăm sóc trẻ em được quan tâm chỉ đạo triển khai⁴¹, công tác vận động các tổ chức từ thiện khám và chữa bệnh cho người nghèo, đối tượng chính sách và trẻ em tiếp tục phát huy hiệu quả⁴².

3. Lao động, việc làm và kết quả thực hiện các chính sách xã hội: Tập trung triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách người có công và chính sách hỗ trợ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19⁴³. Trong dịp Tết Nguyên Đán đã tổ chức các Đoàn đến thăm, tặng quà cho các tổ chức, cá nhân và gia đình chính sách⁴⁴, cấp phát kịp thời gạo hỗ trợ của Chính phủ cho hộ nghèo đảm bảo công khai, kịp thời, đúng đối tượng⁴⁵; các chính sách hỗ trợ người có công, hộ nghèo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn được quan tâm triển khai⁴⁶. Công tác tổ chức đón Tết cho đồng bào Raglai đạt kết quả thiết thực; công tác vận động các tổ chức kinh tế, các nhà đầu tư hỗ trợ vùng cách ly y tế tập trung và phòng chống dịch Covid-19 đạt kết quả tích cực; giải quyết việc làm mới cho 6.638 lao động và đào tạo nghề cho hơn 3.600 người.

4. Văn hóa, thể thao, phát thanh truyền hình: Tập trung tuyên truyền kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng, 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 45 năm giải phóng Ninh Thuận và giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước; tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV và Đại hội lần thứ XIII của Đảng; tuyên truyền Đại hội thi đua yêu nước; tuyên truyền các hoạt động chăm lo Tết cho các gia đình chính sách, hộ nghèo và vùng đồng bào dân tộc Raglai; chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động vui xuân đón Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm⁴⁷. Chương trình đưa văn hóa về cơ sở và giao lưu trực tuyến trên truyền hình được quan tâm thực hiện, chất lượng được nâng lên⁴⁸.

II. Công tác nội chính và xây dựng chính quyền:

1. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính:

- Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp được quan tâm; các tổ chức phối hợp liên ngành được tiếp tục kiện

³⁹ Tổ chức kiểm tra 1.718 cơ sở, có 87,5% cơ sở đạt tiêu chuẩn.

⁴⁰ Đã xét nghiệm 5.812 người, phát hiện 20 trường hợp dương tính, nâng tổng số người nhiễm HIV lên 554 người; có 42.103 người áp dụng biện pháp tránh thai.

⁴¹ Nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 01/6 và Tháng hành động vì trẻ em đã tặng 3.002 suất quà/15,4 triệu đồng cho các em thiếu nhi; tặng 70 suất học bổng/70 triệu đồng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

⁴² Đã tổ chức khám và cấp thuốc miễn phí cho 975 bệnh nhân nghèo tại các xã vùng sâu, vùng xa; mổ tim miễn phí cho 7 trẻ em.

⁴³ Thực hiện NQ số 42/NQ-CP của Chính phủ và QĐ số 15/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tính đến ngày 15/5/2020 đã hỗ trợ 118.579 đối tượng thuộc 4 nhóm người có công với cách mạng, người nghèo, cận nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí trên 104.838 triệu đồng.

⁴⁴ Trên 163.928 suất quà/trị giá trên 61,3 tỷ đồng: quà cho đối tượng gia đình chính sách, người có công 20.620 suất/ 5,2 tỷ đồng; quà cho người nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội 143.308 suất/56,1 tỷ đồng.

⁴⁵ Cấp phát 658,15 tấn gạo cho 10.910 hộ nghèo.

⁴⁶ Cấp 177.594 thẻ BHYT: Hộ nghèo 13.333 thẻ, hộ cận nghèo 19.510 thẻ, hộ đồng bào dân tộc thiểu số và hộ ở vùng ĐBKK 144.751 thẻ; chi trả Bảo hiểm thất nghiệp và hỗ trợ học nghề cho 1.511 lao động/20,9 tỷ đồng; hỗ trợ tiền điện cho 11.319 hộ nghèo với kinh phí gần 3,8 tỷ đồng; hỗ trợ 198.495 kg gạo học kỳ II cho 3.226 học sinh vùng đặc biệt khó khăn.

⁴⁷ Tổ chức Vườn Hoa Xuân, Hội chợ Xuân với điểm nhấn "Ninh Thuận đoàn kết, sáng tạo, hội nhập và phát triển".

⁴⁸ Đã tổ chức 43 buổi biểu diễn nghệ thuật, trong đó phục vụ miền núi 17 buổi với hơn 12 ngàn lượt người xem; chiếu phim lưu động 122 buổi ở các địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa phục vụ hơn 14,6 ngàn lượt người xem.

toàn⁴⁹; hoàn tất tuyển dụng công chức trúng tuyển kỳ thi năm 2019. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng chính đồn Đảng, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; công tác chuẩn bị Đại hội thi đua yêu nước lần thứ VII được tập trung chỉ đạo triển khai; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường⁵⁰.

- Công tác thi đua-khen thưởng đã tổ chức nhiều đợt phát động và ký kết giao ước thi đua năm 2020⁵¹, khen thưởng kịp thời các nhân tố mới trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương⁵².

2. Công tác tư pháp, thanh tra, phòng chống tham nhũng, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân: Công tác cải cách tư pháp được tập trung chỉ đạo, chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được nâng lên, tuân thủ chặt chẽ trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp⁵³; kịp thời điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra để phòng chống dịch Covid-19; đến nay các tổ chức thanh tra các cấp đã triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình và kiến nghị xử lý kịp thời theo quy định⁵⁴; công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm, giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật⁵⁵.

III. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

Công tác quân sự quốc phòng được triển khai thực hiện nghiêm túc gắn với công tác phòng chống dịch Covid-19, tổ chức giao quân đạt 100% chỉ tiêu giao, bảo đảm an toàn; các lực lượng vũ trang của Tỉnh đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau Tết Nguyên đán và các sự kiện quan trọng của Tỉnh; thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát các vùng trọng điểm, phức tạp nắm tình hình và kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra⁵⁶.

An toàn giao thông: Tập trung chỉ đạo và tăng cường kiểm tra, tuần tra việc chấp hành Luật giao thông đường bộ trên các tuyến giao thông trọng điểm, nhưng tai nạn giao thông chưa được kiềm chế⁵⁷.

Tóm lại: Triển khai thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2020 trong bối cảnh có nhiều khó khăn thách thức, vừa bị hạn hán gay gắt, vừa bị tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện đến đời sống kinh tế - xã hội của Tỉnh,

⁴⁹ Trong 6 tháng đã quyết định thành lập, kiện toàn, tổ chức lại 19 tổ chức phối hợp liên ngành; kiện toàn tổ chức bộ máy 05 đơn vị sự nghiệp; Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị SN công lập thuộc Sở NN&PTNT; Đề án thành lập BQL rừng phòng hộ đầu nguồn liên hồ Sông Sắt – Sông Trầu; Đề án thành lập Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe trực thuộc Trường cao đẳng Nghệ; Khung năng lực vị trí việc làm của UBND huyện Bắc Ái; Đề án thành lập Trung tâm huấn luyện kỹ năng sơ cứu Chữ Thập Đỏ tỉnh.

⁵⁰ Ban hành Kế hoạch kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính chuyên đề năm 2020; đã tổ chức kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính tại 03 cơ quan, đơn vị, không có đơn vị nào vi phạm trên 10%.

⁵¹ Thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2020; thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19; thi đua “Nông dân Ninh Thuận đoàn kết giúp nhau sản xuất, kinh doanh giỏi, làm giàu và giảm nghèo bền vững” giai đoạn 2016-2020; khen thưởng điển hình tiên tiến trong Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Ninh Thuận lần thứ VII.

⁵² Đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình cấp có thẩm quyền tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho 01 tập thể, 02 cá nhân. UBND tỉnh tặng cờ thi đua cho 35 tập thể, danh hiệu tập thể lao động xuất sắc cho 195 tập thể, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh 08 cá nhân; tặng bằng khen cho 249 tập thể và 351 cá nhân và khen chuyên đề, đợt xuất 03 cờ thi đua, bằng khen cho 177 tập thể, 251 cá nhân. Tổ chức Lễ trao tặng Huy hiệu “Vi sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Ninh Thuận” đợt 1,2 năm 2020

⁵³ Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/5/2020, HĐND tỉnh ban hành 02 NQ QPPL và UBND tỉnh ban hành 17 Quyết định QPPL.

⁵⁴ Trong 6 tháng đã thực hiện 89/288 cuộc thanh tra, kết thúc 76 cuộc, kiến nghị thu hồi 1.757,4 triệu đồng, kiến nghị xử lý hành chính, kiểm điểm trách nhiệm 01 tập thể, 03 cá nhân.

⁵⁵ Trong 6 tháng các cơ quan hành chính các cấp đã tiếp 866/964 lượt người; đã giải quyết 176/221 vụ khiếu nại tố cáo; đã kiến nghị thu hồi về nhà nước 60 triệu đồng và 136 m² đất; kiến nghị khôi phục quyền lợi hợp pháp cho 7 công dân với 68,59 ha đất, 876,88 triệu đồng, minh oan cho 07 trường hợp tố cáo sai.

⁵⁶ Trong 6 tháng Biên phòng tỉnh đã tuần tra 896 lượt tổ; đăng ký, kiểm chứng 6.343 lượt phương tiện, 396 lượt tàu du lịch/5.806 lượt khách đi tham quan du lịch và làm thủ tục nhập, xuất cho 65 lượt tàu, vận chuyển 31.320 tấn muối, 7.696 m³ cát, 6.055 tấn xi măng.

⁵⁷ Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông, đến ngày 15/6/2020 đã xảy ra 70 vụ tai nạn giao thông và va chạm giao thông, bằng cùng kỳ, chết 30 người, tăng 04 người, bị thương 71 người, giảm 02 người.

trước tình hình đó, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, đồng bộ nhiều giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, vừa phòng chống dịch Covid-19 và ứng phó hiệu quả hạn hán, vừa chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và đầu tư, bảo đảm an sinh xã hội và cuộc sống người dân; cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm giữ vững ổn định và có chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực năng lượng tái tạo, đầu tư xã hội; một số công trình quan trọng được đẩy nhanh tiến độ; hoạt động sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng cao; các chỉ số công nghệ thông tin (ICT) và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được cải thiện⁵⁸; các khâu đột phá về hạ tầng truyền tải và năng lượng tái tạo có chuyển biến tích cực, đã giảm đáng kể tình trạng giảm phát, dự án thủy điện tích năng được đẩy nhanh tiến độ, điện khí Cà Ná được bổ sung vào quy hoạch; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được chỉ đạo thực hiện chủ động, nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả đã kịp thời kiểm soát được tình hình và cơ bản đẩy lùi được dịch bệnh; công tác phòng chống hạn được chủ động triển khai và đạt kết quả tích cực; vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai đầy đủ, kịp thời; công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách, các hộ nghèo được thực hiện tốt hơn; công tác tổ chức cho nhân dân vui xuân đón Tết Nguyên Đán đạt được mục tiêu; công tác quân sự quốc phòng được bảo đảm, giao quân an toàn, đạt chỉ tiêu và chất lượng; an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo. Công tác chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp và Đại hội điểm được tập trung triển khai và tiến hành theo đúng lộ trình kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân đạt được: Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ và hỗ trợ của các Bộ ngành trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, sự chủ động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của UBND Tỉnh đã huy động mạnh mẽ sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; công tác phối hợp tham mưu của các cấp, các ngành và các địa phương được chủ động, có trách nhiệm hơn, bám sát và triển khai kịp thời các chương trình trọng tâm, nhiệm vụ đột phá; sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và sự đồng thuận của người dân được tốt hơn.

Khó khăn hạn chế: Hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch giảm mạnh; sản xuất nông nghiệp tăng trưởng âm; một số ngành hàng công nghiệp chế biến tiếp tục gặp khó khăn; giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt thấp so mục tiêu⁵⁹; nguồn thu tiền đất còn khó khăn, tổ chức đấu giá một số khu đất còn chậm; thu ngân sách đạt thấp; tai nạn giao thông chưa được kiềm chế; công tác bồi thường giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm; giải ngân nguồn vốn đầu tư công đạt thấp; một số nhiệm vụ trọng tâm được giao triển khai thực hiện còn chậm⁶⁰; chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng một số dự án còn khó khăn, chậm trễ; chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) tụt giảm thứ hạng⁶¹.

Nguyên nhân chủ yếu đó là: Tình hình dịch bệnh Covid-19, hạn hán đã tác động trực tiếp đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các ngành thương

⁵⁸ Năm 2019 chỉ số công nghệ thông tin (ICT) đứng thứ 14/63, tăng 7 bậc, chỉ số PCI đứng thứ 37/63, tăng 6 bậc so năm 2018

⁵⁹ KH giá trị gia tăng ngành xây dựng năm 2020 tăng 34-35%, 6 tháng đầu năm tăng 7,24%.

⁶⁰ Đến ngày 15/6/2020 đã hoàn thành, cơ bản hoàn thành 68/82 nhiệm vụ được UBND tỉnh giao hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2020 tại QĐ số 08/QĐ-UBND về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp theo NQ 01 của Chính phủ; còn 14/82 NV đang triển khai trong hạn.

⁶¹ Năm 2019 chỉ số PAPI đứng thứ 37/63, giảm 24 bậc.

mại, dịch vụ, nông nghiệp; trách nhiệm và hiệu suất công tác người đứng đầu ở một số địa phương, đơn vị trong thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ chưa cao; công tác giải ngân nguồn vốn đầu tư công một số chủ đầu tư chưa thật sự quan tâm đúng mức; tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ công chức viên chức chưa chủ động, tích cực trong tham mưu và tổ chức thực hiện; công tác kiểm tra, xử lý có trường hợp chưa kịp thời.

Phần II

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Để thực hiện tốt nhất “*nhiệm vụ kép*” vừa tích cực phòng chống dịch và ứng phó hiệu quả hạn hán, vừa bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các Sở ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung khắc phục những tồn tại hạn chế, kiên quyết không lùi bước trước khó khăn, thách thức, phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu của kế hoạch năm 2020; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

I. Nhiệm vụ trọng tâm:

1. Tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 theo các Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy, Quyết định số 08/QĐ-UBND của UBND tỉnh và kịch bản tăng trưởng năm 2020 trong tình hình mới gắn với triển khai quyết liệt đồng bộ hiệu quả Nghị quyết 115/NQ-CP về cơ chế đặc thù hỗ trợ tỉnh, tạo chuyển biến mạnh mẽ các lĩnh vực đột phá, nhanh chóng phục hồi, phát triển kinh tế-xã hội.

2. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội, khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế theo kết luận, chỉ đạo của Bộ Chính trị, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Tỉnh⁶², nhất là các chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, người lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua khó khăn của đại dịch Covid-19, nhanh chóng khôi phục và phát triển sản xuất, kinh doanh. Thực hiện kịp thời chính sách miễn, giảm một số nghĩa vụ thuế đối với một số lĩnh vực, đối tượng chịu thiệt hại nặng nề do đại dịch Covid-19 trong năm 2020 theo hướng dẫn của Trung ương.

3. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp chống hạn theo tinh thần các Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ Tướng Chính phủ; Chỉ thị số 67-CT/TU ngày 07/02/2020 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh, với mục tiêu: “*Không để người dân thiếu nước sinh hoạt, thiếu đói, phát sinh dịch bệnh; quản lý, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; chăm sóc, bảo vệ và hạn chế thấp nhất thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi*”. Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết và nguồn nước các công trình thủy lợi để kịp thời xây dựng kế hoạch, giải pháp quản lý và điều tiết sử dụng hợp lý hiệu quả các nguồn nước, nhằm hạn chế thấp nhất những thiệt hại trong sản xuất và ổn định đời sống người dân. Đẩy nhanh

⁶² Kết luận 77-KL/TW ngày 05/6/2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19; NQ số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020, Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 8/4/2020 của Chính phủ và Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ Tướng Chính phủ; chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 829-TB/TU ngày 14/4/2020 và KH số 1347/KH-UBND ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho SXKD, bảo đảm ASXH ứng phó với dịch Covid-19.

tiến độ triển khai, sớm đưa vào hoạt động các công trình phục vụ chống hạn theo kế hoạch đề ra.

4. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; tập trung giải quyết các vướng mắc về bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển đổi đất rừng, thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ khởi công, hoàn thành các dự án đầu tư công, nhất là các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đảm bảo tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, giải ngân nguồn vốn các thành phần kinh tế; trước mắt tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc đẩy nhanh tiến độ các dự án điện gió, điện mặt trời và hạ tầng truyền tải giải tỏa công suất, các dự án động lực thay thế khác để bù đắp, giảm thiểu các thiệt hại do dịch Covid-19 và hạn hán gây ra.

5. Sản xuất nông nghiệp: Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu và vụ Mùa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với các mô hình tưới tiết kiệm và sản xuất hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình chống hạn, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân⁶³; chủ động kiểm soát tốt dịch bệnh gia súc, gia cầm. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản gắn với kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, đánh bắt hải sản xa bờ theo quy định. Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng chất lượng các tiêu chí đạt được; phối hợp hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận huyện Ninh Hải đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống cháy rừng, quản lý bảo vệ rừng hiệu quả.

6. Sản xuất Công nghiệp – Xây dựng: Khẩn trương hoàn tất thủ tục, kiến nghị tích hợp các nguồn năng lượng, nhất là điện khí và năng lượng tái tạo vào Quy hoạch điện VIII; chủ động nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp; tập trung kiểm tra, đôn đốc tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp để đẩy nhanh hơn nữa tiến độ triển khai thực hiện các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện tích năng Bắc Ái, cảng biển tổng hợp Cà Ná, nhất là tập trung chỉ đạo hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư dự án điện khí LNG, hoàn thành dự án Nhà máy điện mặt trời 450MW kết hợp đầu tư hạ tầng lưới điện truyền tải và các dự án hạ tầng truyền tải lưới điện khác, đảm bảo đến cuối năm 2020 đạt khoảng 2.000 MW điện mặt trời và khoảng 200MW điện gió hòa điện lưới quốc gia và được giải tỏa công suất; hoàn thành phê duyệt các quy hoạch dải ven biển, quy hoạch phân khu làm cơ sở thu hút đầu tư; tăng cường công tác quản lý hạ tầng đô thị và trật tự xây dựng; đẩy nhanh tiến độ các dự án đô thị mới, góp phần tạo giá trị gia tăng cho ngành công nghiệp – xây dựng, bù đắp sự giảm sút của ngành nông nghiệp và dịch vụ, đảm bảo thực hiện mục tiêu tăng trưởng của tỉnh trong năm 2020.

7. Các ngành thương mại - dịch vụ: Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ hiệu quả, tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì thị trường và ổn định hoạt động kinh doanh. Theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả hàng hóa trên thị trường; chuẩn bị phương án thực hiện các hoạt động kết nối cung cầu sau dịch để hỗ trợ tiêu thụ ngay khi các mặt hàng nông sản vào vụ thu hoạch; đẩy mạnh cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam và hàng Việt Nam chinh phục người Việt Nam". Tập trung xúc tiến du lịch nội địa với thông điệp "Du

⁶³ Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ; Nhà máy cấp nước Phước Nam; Đấu nổi, mở rộng Hệ thống cấp nước Phước Đại-Phước Thành; Hệ thống cấp nước Tà Nôi, huyện Ninh Sơn; Sửa chữa, nâng cấp đường ống nước thô Kiên Kiên,...

lich Việt Nam an toàn, người Việt Nam đi du lịch Việt Nam”. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ các chương trình kích cầu du lịch nội địa. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án du lịch trọng điểm ⁶⁴.

8. Quản lý tài nguyên môi trường: Tập trung chỉ đạo cụ thể, quyết liệt về thực hiện hiệu quả Đề án thu ngân sách từ nguồn lực đất đai; đẩy nhanh tiến độ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án đầu tư, nhất là các dự án trọng điểm, cấp bách, các dự án hạ tầng năng lượng và dự án phục vụ chống hạn. Triển khai xử lý rác thải khu vực làng nghề, các xã ven biển, dân cư nông thôn gắn với nông thôn mới; tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, đất đai, môi trường.

9. Tài chính, ngân hàng:

Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ kế hoạch thu tiền sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất; đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất theo kế hoạch, tập trung các khu đất nhà văn hóa tỉnh, chợ Tấn Tài, Trường Trần Hưng Đạo, khu thương mại Tháp Chàm, các cơ sở nhà đất ngành y tế...; tăng cường các khoản thu thuế xây dựng từ các dự án năng lượng tái tạo để tạo nguồn thu cho ngân sách. Đẩy mạnh kiểm soát chi tiêu, cắt giảm các nhiệm vụ chi thường xuyên không thực sự cần thiết. Triển khai có hiệu quả các chính sách gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất và chính sách miễn giảm thuế, phí, lệ phí; kịp thời cung ứng vốn tín dụng cho khách hàng, tiếp tục giảm lãi suất cho vay, cơ cấu lại nợ, giảm lãi vay, chi phí vay vốn theo quy định của Chính phủ.

10. Kế hoạch và Đầu tư: Tập trung hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển khu dân cư đối với các vị trí trước đây quy hoạch xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1,2; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công 5 năm 2021-2025 và kế hoạch nhà nước năm 2021; triển khai kịp thời Nghị định 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ về lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất; tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm ⁶⁵; rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công các dự án không đạt tiến độ giải ngân theo quy định; phối hợp tham mưu tổ chức lễ khánh thành, khởi công một số dự án chào mừng Đại hội Tỉnh Đảng bộ và Đại hội toàn quốc của Đảng; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, đón làn sóng đầu tư mới sau đại dịch Covid-19, xử lý thu hồi các dự án chậm tiến độ; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp.

11. Văn hóa - xã hội:

- Giáo dục - Đào tạo, khoa học công nghệ: Tập trung chỉ đạo công tác thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia và chuẩn bị tốt các điều kiện khai giảng năm học mới 2020-2021, triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới; tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học và đội ngũ giáo viên phù hợp giữa các vùng; tiếp tục triển khai Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng sư phạm vào Phân hiệu Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh; thành lập Trường liên cấp THCS, THPT Trần Hưng Đạo. Tập trung triển khai hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp để phát triển các sản phẩm đặc thù có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

⁶⁴ như dự án Sunbay, Mũi Dinh Ecopark...

⁶⁵ Hồ chứa nước Sông Than; dự án Môi trường bền vững; dự án khắc phục hậu quả thiên tai; Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn...

- Y tế: Tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong điều kiện bình thường mới. Tăng cường kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện và khống chế dịch bệnh; triển khai hiệu quả các Đề án và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em.

- Văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông, phát thanh truyền hình: Tập trung tuyên truyền các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước và của Tỉnh, nhất là tuyên truyền Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; tăng cường tuyên truyền phòng chống dịch Covid-19 và phòng chống hạn hán.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công, hỗ trợ người dân vùng hạn hán và người bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19; thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động.

12. Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác Đại hội Đảng các cấp tiến đến Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV và Đại hội lần thứ XIII của Đảng bảo đảm ổn định, an toàn, chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ, thời gian theo quy định.

13. Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật; tổ chức sơ kết chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ 6, khóa XII; hoàn thành Đề án thành lập Trung tâm đô thị thông minh; thành lập Trung tâm dịch vụ hành chính công một số huyện, thành phố; tăng cường kỷ luật, kỷ cương gắn với phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu; chỉ đạo rà soát, đánh giá và đề ra giải pháp để cải thiện, nâng hạng bộ chỉ số đánh giá liên quan năng lực cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Tỉnh (PCI, PAR INDEX, SIPAS, DDCI, ICT...); đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, dân vận chính quyền tiến tới Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Ninh Thuận lần thứ VII.

14. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; chủ động đấu tranh với âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; làm tốt công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông.

15. Chỉ đạo hoàn thành các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy và các chương trình, đề án phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh cuối năm 2020.

II. Một số giải pháp chủ yếu:

1. Tăng cường công tác thông tin, phổ biến kịp thời các chủ trương, quyết sách lớn, các kế hoạch triển khai của Trung ương, của Tỉnh về phát triển kinh tế-xã hội, khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, hạn hán để khôi phục và phát triển kinh tế nhằm tạo đồng thuận cao và huy động sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân trong Tỉnh góp phần hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2020.

2. Tạo cơ chế thu hút nguồn lực thông qua công tác quản lý và huy động tốt nhất nguồn lực đất đai, nguồn lực các thành phần kinh tế để khai thác hiệu quả các nhóm ngành đột phá, trụ cột, trọng tâm ưu tiên thu hút vào khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp để phục hồi sau Covid-19; đẩy nhanh công tác quy hoạch làm cơ sở thu hút đầu tư các dự án.

3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, tăng cường họp trực tuyến, làm việc trực tuyến; đẩy nhanh xây dựng chính quyền điện tử.

4. Thực hiện tốt các Chương trình, đề án đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đối với các nhóm ngành trụ cột, đột phá. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

5. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ trong thực hiện Nghị quyết 115/NQ-CP của Chính phủ và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo số 416/TB-VPCP. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài.

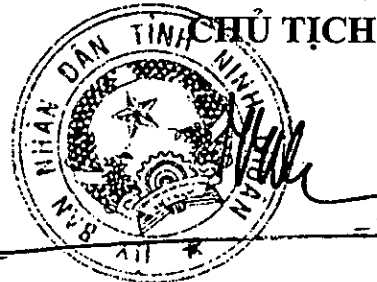
6. Tăng cường công tác dân vận trong các cơ quan, đơn vị hành chính các cấp, gắn đây mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nhân rộng các điển hình, mô hình tiên tiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống. Đổi mới công tác thanh tra theo hướng tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước, thanh tra trách nhiệm về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (2b);
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, KH &ĐT;
- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Các Ban thuộc HĐND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Các Hội, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực các Huyện, thành ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND các huyện- thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, Trung tâm;
- Lưu: VT, KTTH, Hào.

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Lưu Xuân Vĩnh



BIỂU TỔNG HỢP

Tình hình thực hiện kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số 199 /BC-UBND ngày 30/6/2020 của UBND tỉnh)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 6 tháng đầu năm 2019	KH năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ƯTH 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
A	CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010	Tỷ đồng	8.267	19.728	8.967	108.46	45.5
a	Tổng giá trị tăng thêm các ngành (VA)	Tỷ đồng	7.660	18.216	8.407	109.76	46.2
	- Nông lâm ngư nghiệp:	Tỷ đồng	2.686	6.137	2.633	98.03	42.9
	Trong đó: + Nông lâm nghiệp	"	1.185	2.968	1.068	90.14	36.0
	+ Thủy sản	"	1.501	3.169	1.565	104.25	49.4
	- Công nghiệp-Xây dựng	Tỷ đồng	1.929	5.004	2.749	142.49	54.9
	Trong đó: + Công nghiệp	"	905	2.247	1.650	182.38	73.4
	+ Xây dựng	"	1.024	2.757	1.098	107.24	39.8
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	3.045	7.075	3.025	99.37	42.8
b	Thuế sản phẩm	Tỷ đồng	608	1.512	560	92.15	37.0
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành	Tỷ đồng	14.027	35.290	15.839	112.9	44.9
3	Giá trị sản xuất các ngành	Tỷ đồng	17.457.4	41.723	18.363.4	105.2	44.0
	- Nông lâm, thủy sản	Tỷ đồng	5.244.3	12.008	5.143.0	98.1	42.8
	Trong đó: + Nông lâm nghiệp	"	2.398.0	5.243	2.177.8	90.8	41.5
	+ Thủy sản	"	2.846.3	6.765	2.965.1	104.2	43.8
	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	6.755.4	17.080	7.909.4	117.1	46.3
	Trong đó: + Công nghiệp	"	3.474.4	8.300	4.381.1	126.1	52.8
	+ Xây dựng	"	3.281.0	8.780	3.528.3	107.5	40.2
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	5.457.7	12.635	5.311.0	97.3	42.0
4	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	2.511.4	3.500	1.770	70.5	50.6
	- Thu nội địa:	Tỷ đồng	1.511.4	2.700	1.270	84.0	47.0
	+ Thu cân đối ngân sách	"	1.507.3	2.700	1.270	84.3	47.0
	+ Thu quản lý qua ngân sách	"	4.1	-		0.0	
	- Thu Hải quan	Tỷ đồng	1.000	800	500	50.0	62.5
5	Tổng chi NS địa phương	Tỷ đồng	2.430	6.495.5	2.687	110.6	41.4
6	Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	467.0	455	167.2	35.8	36.7
	- Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	33.7	80	38.8	115.3	48.5
	Trong đó: + Hải sản xuất khẩu	"	8.0	35	11.5	143.3	32.9
	+ Nông sản xuất khẩu	"	20.9	43.7	13.8	66.0	31.6
	- Giá trị kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	433.3	375	128.4	29.6	34.2
7	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	10.101	16.500	6.638	65.7	40.2
B	CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC						
I	Chỉ tiêu kinh tế						
1	Ngành nông lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	5.244.3	12.008	5.143.0	98.1	42.8

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 6 tháng đầu năm 2019	KH năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ƯTH 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Ngành Nông, lâm nghiệp						
	- Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	2.398.0	5.243	2.177.8	90.8	41.5
a	Ngành nông nghiệp						
	- Giá trị sản xuất (giá ss 2010)	Tỷ đồng	2.361.9	5.158.5	2.142.4	90.7	41.5
	Trong đó: + Trồng trọt	"	1.674.9	3.739.3	1.409.4	84.1	37.7
	+ Chăn nuôi	"	600.3	1.244.2	652.6	108.7	52.4
	+ Dịch vụ	"	86.7	175.0	80.4	92.8	46.0
a.1	<i>Vụ Đông xuân:</i>						
	- Tổng DT thu hoạch vụ Đông xuân	Ha	30.075	24.804	25.290	86.4	102.1
	- Tổng sản lượng lương thực có hạt	10 ³ Tấn	127.2	84.6	94.5	74.3	111.6
	+ Cây lương thực						
	* Cây lúa: Diện tích	Ha	17.050	11.120	11.974	70.2	107.7
	Năng suất	Tạ/ha	65.2	65.0	66.7	102.2	102.5
	Sản lượng	Tấn	111.221	72.309	79.828	71.8	110.4
	* Cây bắp: Diện tích	Ha	2.685	2.200	2.371	88.3	107.8
	Năng suất	Tạ/ha	59.2	54.9	61.6	103.9	112.1
	Sản lượng	Tấn	15.908	12.080	14.600	91.8	120.9
	+ Cây công nghiệp ngắn ngày						
	* Cây mía: Diện tích thu hoạch	Ha	3.562	2.200	2.337	65.6	106.2
	Năng suất	Tạ/ha	524.6	572.7	511.5	97.5	89.3
	Sản lượng	Tấn	186.871	126.000	119.538	64.0	94.9
	* Cây thuốc lá: Diện tích	Ha	45	50	52	115.6	104.0
	Năng suất	Tạ/ha	21.8	24.0	23.5	107.8	97.9
	Sản lượng	Tấn	98	120	122	124.6	101.8
	+ Cây công nghiệp lâu năm						
	* Cây Điều: Diện tích cho sản phẩm	Ha	3.064	3.790	3.114	101.6	82.2
	Năng suất	Tạ/ha	3.5	3.1	3.4	97.5	108.3
	Sản lượng	Tấn	1.069	1.190	1.059	99.1	89.0
	+ Cây ăn quả						
	* Cây nho:						
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.185	1.350	1.161	98.0	86.0
	Năng suất	Tạ/ha	136.1	237.0	138.0	101.4	58.2
	Sản lượng thu hoạch	Tấn	16.120	32.000	16.019	99.4	50.1
	* Cây táo:						
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	979	1.100	932	95.1	84.7
	Năng suất	Tạ/ha	180.4	393.6	192.5	106.7	48.9
	Sản lượng thu hoạch	Tấn	17.665	43.300	17.927	101.5	41.4
a.2	<i>Diện tích gieo trồng vụ Hè thu</i>	Ha	28.917	17.140	9.276	32.1	54.1
a.3	Chuyển đổi diện tích lúa sang cây trồng khác có hiệu quả, tiết kiệm nước, trong đó:	Ha	690.8	1.500-2.000	1.138.3	164.8	75.9
	- Vụ Đông Xuân	Ha	582.6	591.2	955.7	164.0	161.7
	- Vụ Hè thu	Ha	108.2	320.0	182.6	168.8	57.1
a.4	<i>Chăn nuôi:</i>						

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 6 tháng đầu năm 2019	KH năm 2020	UTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh UTH 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	- Quy mô tổng đàn gia súc	10 ³ con	535.772	478.0	507.305	94.7	106.1
	<i>Trong đó:</i> Tổng đàn gia súc có sừng:	10 ³ con	422.064	388.0	404.145	95.8	104.2
	+ Trâu, bò	"	124.340	104.0	124.729	100.3	119.9
	+ Dê, cừu	"	297.724	284.0	279.416	93.9	98.4
	- Quy mô tổng đàn heo	"	113.708	90	103.160	90.7	114.6
	- Quy mô tổng đàn gia cầm	Triệu con	1.712	2.1	1.789	104.5	85.2
	- Sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	15.123	30.900	15.770	104.3	51.0
	<i>Trong đó:</i> + Sản lượng thịt hơi gia súc	"	12.592	26.400	13.118	104.2	49.7
	+ Sản lượng thịt hơi gia cầm	"	2.531	4.500	2.652	104.8	58.9
1.2	Ngành lâm nghiệp						
	* Giá trị sản xuất (Giá ss 2010):	Tỷ đồng	36.1	84.2	35.5	98.2	42.1
	- Trồng rừng phòng hộ và đặc dụng	Ha	30	230		0.0	0.0
	- Giao khoán bảo vệ rừng	"	62.943	60.888	65.987	104.8	108.4
	- Khoanh nuôi tái sinh rừng	"	4.295	3.635	3.027	70.5	83.3
1.3	Ngành Thủy sản						
	* Giá trị sản xuất (Giá ss 2010)	Tỷ đồng	2.846.3	6.765.0	2.965.1	104.2	43.8
	<i>Trong đó:</i> - Khai thác	"	1.882.6	4.765	1.946.6	103.4	40.9
	- Nuôi trồng	"	963.7	2.000	1.018.5	105.7	50.9
	<i>Trong đó:</i> + Sản xuất giống	"	640.1	1.140	693.8	108.4	60.9
a	Khai thác:						
	- Năng lực khai thác: Chiếc	Chiếc	2.456	2.471	2.471	100.6	100.0
	Công suất	CV	452.872	469.230		0.0	0.0
	- Sản lượng thủy sản khai thác	Tấn	53.569	113.500	54.627	102.0	48.1
b	Nuôi trồng:						
	- Sản lượng nuôi trồng thủy sản	Tấn	4.565	9.415	4.113	90.1	43.7
	<i>Trong đó:</i> + Sản lượng tôm thịt	"	2.300	5.945	2.250	97.8	37.8
c	Sản xuất giống thủy sản	Triệu con	19.476	36.200	21.167	108.7	58.5
	<i>Trong đó:</i> + Sản xuất tôm giống	"	19.316	36.000	21.012	108.8	58.4
2	Ngành Công nghiệp - Xây dựng						
2.1	Giá trị sản xuất toàn ngành (Giá ss 2010)	Tỷ đồng	6.755.4	17.080	7.909.4	117.1	46.3
	<i>Trong đó:</i> + Công nghiệp	"	3.474.4	8.300	4.381.1	126.1	52.8
	+ Xây dựng	"	3.281.0	8.780	3.528.3	107.5	40.2
2.2	Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:						
	(1) Muối các loại	Tấn	157.552	300.000	352.062	223.5	117.4
	(2) Chế biến muối tinh	Tấn	33.789	100.000	26.041	77.1	26.0
	(3) Đường RS	Tấn	9.891	14.000	4.342	43.9	31.0
	(4) Tôm đông lạnh	Tấn	2.552	6.000	2.666	104.5	44.4
	(5) Xi măng	Tấn	91.134	180.000	107.868	118.4	59.9
	(6) Gạch nung các loại	Triệu viên	46	100	38	82.6	38.0
	(7) Nhân hạt điều	Tấn	2.378	5.000	2.241	94.2	44.8
	(8) May mặc xuất khẩu	Triệu SP	1.6	3.5	1.6	100.0	45.7
	(9) Tinh bột mì	Tấn	9.319	12.000	7.142	76.6	59.5
	(10) Phân hữu cơ vi sinh	Tấn	697	2.000	472	67.7	23.6

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 6 tháng đầu năm 2019	KH năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ƯTH 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	(11) Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kwh	335.5	700	350	104.3	50.0
	(12) Nước máy ghi thu	Triệu m ³	10.5	23	11.6	110.1	50.4
	(13) Nước yển	10 ³ lít	58	80	33	56.9	41.3
	(14) Sản xuất điện	Triệu kwh	1.042.9	3.500	1.838	176.2	52.5
	(15) Thuốc lá điều	Triệu bao	11.6	24	11.4	98.7	47.5
	(16) Đá ốp lát Granite	Ngàn m ²	98.5	220	68	69.0	30.9
	(17) Đá xây dựng	Ngàn m ³	482.7	1.200	348	72.1	29.0
	(18) Bia	Triệu lít	27.3	70	16.7	61.2	23.9
	(19) Gạch không nung	Triệu viên	16.5	10	14.8	89.7	148.0
	(20) Sản xuất khăn bông	Tấn	1.752	4.500	2.353	134.3	52.3
	(21) Rau câu	Tấn	49.6	150	69	139.1	46.0
	(22) Bao bì giấy	Tấn	176	500	276	156.8	55.2
	(23) Nha Đam	Tấn	3.342	8.000	3.189	95.4	39.9
3	Các ngành dịch vụ						
	* Giá trị SX toàn ngành (Giá ss 2010)	Tỷ đồng	5.457.7	12.635	5.311.0	97.3	42.0
3.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội	Tỷ đồng	11.120	26.650	11.275	101.4	42.3
3.2	Khách du lịch:	10 ³ lượt khách	1.763.2	2.500	735.9	41.7	29.4
	+ Khách quốc tế	"	61.8	200	16.0	25.9	8.0
	+ Khách trong nước	"	1.701.4	2.300	719.9	42.3	31.3
3.3	Doanh thu ngành du lịch	Tỷ đồng	704	1.500	375	53.3	25.0
3.4	Bưu chính - Viễn thông						
a	Số máy điện thoại thuê bao (Cố định và trả sau) phát triển mới	Thuê bao	706	1.200	1.080	153.0	90.0
	Tổng số thuê bao trên toàn mạng	"	75.476	87.206	77.256	102.4	88.6
	Số thuê bao điện thoại/100 dân	"	12.7	14.7	12.98	102.2	88.3
b	Thuê bao internet phát triển mới	Thuê bao	1.701	4.900	8.000	470.3	163.3
	Tổng số thuê bao internet trên toàn mạng	"	276.311	287.355	290.455	105.1	101.1
	Số thuê bao internet/100 dân	"	87	89.7	89.9	103.3	100.2
3.5	Giao thông vận tải						
	- Khối lượng hàng hoá luân chuyển	10 ³ Tkm	277.014	690.217	231.659	83.6	33.6
	- Khối lượng hành khách luân chuyển	10 ³ ngkm	276.803	731.829	135.773	49.1	18.6
4	Tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu	Triệu USD	467.0	455	167.2	35.8	36.7
4.1	Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	33.7	80	38.8	115.3	48.5
	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu						
	+ Hàng thủy sản	Triệu USD	8.0	35	11.5	143.3	32.9
	+ Hàng nông sản	Triệu USD	20.9	43.7	13.8	66.0	31.6

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 6 tháng đầu năm 2019	KH năm 2020	UTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh UTH 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
4.2	Giá trị kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	433.3	375	128.4	29.6	34.2
5	Thu chi ngân sách						
5.1	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	2.511.4	3.500	1.770	70.5	50.6
	- Thu nội địa:	"	1.511.4	2.700	1.270	84.0	47.0
	+ Thu cân đối ngân sách	"	1.507.3	2.700	1.270	84.3	47.0
	+ Thu quản lý qua ngân sách	"	4.1	-		0.0	
	- Thu Hải quan	"	1.000	800	500	50.0	62.5
5.2	Tổng chi NSDP	Tỷ đồng	2.430	6.495.5	2.687	110.6	41.4
6	Ngân hàng (So với cuối năm 2019)						
6.1	Tổng dư nợ	Tỷ đồng	24.548	30.600	25.550	104.1	83.5
	Trong đó: - Dư nợ ngắn hạn	"	12.272	15.000	12.750	103.9	85.0
	- Dư nợ trung và dài hạn	"	12.276	15.600	12.800	104.3	63.6
6.2	Huy động nguồn vốn tại địa phương	Tỷ đồng	15.648	17.300	15.600	99.7	90.2
II	Chỉ tiêu xã hội:						
1	Giáo dục và đào tạo						
1.1	Giáo dục						
	- Quy mô học sinh cuối năm học	Học sinh	139.448	142.020		0.0	0.0
	- Số trường phổ thông công nhận mới đạt chuẩn quốc gia	Trường	8	8	7	87.5	87.5
	Nâng tổng số trường phổ thông công nhận mới đạt chuẩn quốc gia	"	100	113	112	112.0	99.1
	- Số trường mầm non công nhận mới đạt chuẩn quốc gia	"	4	0	0		
	Nâng tổng số trường mầm non công nhận mới đạt chuẩn quốc gia	"	18	20	20	111.1	
	- Tỷ lệ học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày	%	58.4	80.5	47.4		
1.2	Đào tạo						
	- Tuyển mới hệ CĐSP chính quy	Người	160	120			
	- Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục	"		1.200			
2	Lao động - việc làm và dạy nghề						
2.1	Số LĐ được giải quyết việc làm mới	Người	10.101	16.500	6.638	65.7	40.2
	Trong đó: Trong tỉnh	"	3.056	7.000	1.687	55.2	24.1
	Ngoài tỉnh	"	6.925	9.350	4.903	70.8	52.4
	Xuất khẩu lao động	Người	120	150	48	40.0	32.0
	Trong đó: + Huyện Bắc Ái	"		30			
2.2	Dạy nghề:	Người	4.588	9.000	3.604	78.6	40.0
	- Nghề dài hạn	"		1.050			
	- Nghề ngắn hạn	"	4.588	7.950	3.604	78.6	45.3
	Trong đó: + Dạy nghề cho lao động nông thôn	"	1.487	2.600	243	16.3	9.3
3	Y tế						
	- Tổng số giường bệnh	Giường		1.730			
	Trong đó: + Tuyển tỉnh	"		1.280			

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	TH 6 tháng đầu năm 2019	KH năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh ƯTH 6 tháng đầu năm 2020 (%)	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	+ Tuyển huyện, thành phố	"		450			
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn	%		12.9			
4	Văn hóa thông tin						
	- Số buổi biểu diễn nghệ thuật	Buổi	55	90	43	78.2	47.8
	Trong đó: Phục vụ miền núi	"	23	40	17	73.9	42.5
	- Số buổi chiếu phim công ích	"	379	750	122	32.2	16.3
	Trong đó: Phục vụ miền núi	"	219	400	91	41.6	22.8